

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Quyết định số 1700/QĐ-UBND
ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 352/TTr-STNMT ngày 09/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho thuê đất, giao đất cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Becamex Bình Phước (khu B) cụ thể:

* Tại khoản 1: từ "1. Giao đất để quản lý theo hình thức giao không thu tiền sử dụng đất (đường giao thông, cây xanh, đường điện) với diện tích 677.601,7 m² (có biểu chi tiết kèm theo)

(Đối với diện tích này, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước không được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, không giao lại không cho thuê hoặc không được chuyển nhượng cho người có nhu cầu sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh theo quy định)."



thành “1. Giao đất để quản lý, theo hình thức giao không thu tiền sử dụng đất (đường giao thông, cây xanh, đường điện) với diện tích 677.148,5 m² (có biểu chi tiết kèm theo).

(Đối với diện tích này, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước không được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, không giao lại không cho thuê hoặc không được chuyển nhượng cho người có nhu cầu sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh theo quy định).”

* Tại khoản 2: từ “2. Cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đất với diện tích 2.421.239,6 m² (có biểu chi tiết kèm theo).

- Khu đất tọa lạc tại: xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

- Vị trí, ranh giới khu đất: được xác định theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5.000 do Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 305 thực hiện năm 2015 và được Phòng Đăng ký Đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

thành “2. Cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đất với diện tích 2.421.692,8 m² (có biểu chi tiết kèm theo).

- Khu đất tọa lạc tại: xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

- Vị trí, ranh giới khu đất: được xác định theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5.000 do Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 305 Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam thực hiện, đã được Chi cục Quản lý Đất đai kiểm tra kỹ thuật ngày 19/6/2018”.

Lý do điều chỉnh: Ngày 17/5/2018, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1025/QĐ-UBND điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Becamex Bình Phước, trong đó thay đổi diện tích không thu tiền sử dụng đất và diện tích cho thuê đất trả tiền một lần, nay điều chỉnh lại cho phù hợp thực tế.

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế, Cục Thuế Bình Phước, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Minh Thành, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KT;
- Lưu: VT (Đ.Thống TNNMT QĐ 31).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Huyệnh Anh Minh

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX - BÌNH PHƯỚC (KHU B)

(Kèm theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 16 / 7 /2018 của UBND tỉnh)

STT	Số tờ bản đồ (*)	Số thửa (**)	Cụm (***)	Loại đất (MĐSDĐ)	Thời hạn sử dụng	Diện tích (M2)	GHI CHÚ
A. Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (I+II+III)						2.421.692,8	
I. Khu xử lý nước thải						16.810,1	
1		29		DRA	07/8/2065	16.810,1	
II. Khu kỹ thuật						56.697,0	
2		35		TMD	07/8/2065	42.840,0	
3		19		TMD	07/8/2065	13.857,0	
III. Khu công nghiệp						2.348.185,7	
4		2		SKK	07/8/2065	189.500,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
5		12		SKK	07/8/2065	197.974,7	Công nghiệp ít ô nhiễm
6		13		SKK	07/8/2065	329.902,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
7		4		SKK	07/8/2065	67.267,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
8		6		SKK	07/8/2065	134.015,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
9		9		SKK	07/8/2065	75.213,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
10		11		SKK	07/8/2065	77.160,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
11		17		SKK	07/8/2065	68.853,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
12		20		SKK	07/8/2065	58.213,0	Công nghiệp ít ô nhiễm

13		23		SKK	07/8/2065	100.050,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
14		24		SKK	07/8/2065	184.438,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
15		25		SKK	07/8/2065	307.348,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
16		26		SKK	07/8/2065	139.735,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
17		27		SKK	07/8/2065	161.702,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
18		28		SKK	07/8/2065	256.815,0	Công nghiệp ít ô nhiễm
B. Giao đất không thu tiền sử dụng đất để quản lý (I+II+III)						677.148,5	
I. Công viên cây xanh						338.966,8	
19		1			Lâu dài	34.513,7	Cây xanh cách ly
20		15			Lâu dài	90.393,4	Cây xanh cách ly
21		32			Lâu dài	2.669,6	Cây xanh cách ly
22		33			Lâu dài	19.951,0	Cây xanh cách ly
23		34			Lâu dài	11.882,3	Cây xanh cách ly
24		36			Lâu dài	10.470,8	Cây xanh cách ly
25		37			Lâu dài	16.663,2	Cây xanh cách ly
26		30			Lâu dài	25.205,0	Cây xanh cách ly
27		22			Lâu dài	32.981,5	Cây xanh cách ly
28		21			Lâu dài	11.301,5	Cây xanh cách ly
29		14			Lâu dài	41.167,7	Cây xanh tập trung
30		7			Lâu dài	19.936,4	Cây xanh cách ly
31		8			Lâu dài	7.532,0	Cây xanh cách ly
32		3			Lâu dài	14.298,7	Cây xanh cách ly
II. Giao thông						280.460,5	
33		16			Lâu dài	280.460,5	
III. Đường điện						57.721,2	
Tổng (A+B)						3.098.841,3	